

C, ngày 20 tháng 02 năm 2019

Số: 62/2019/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 82/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2019 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

1. Anh Trần Hòa H, sinh năm: 1972;

Địa chỉ: 510/5G1, C, phường H, quận P, TP HCM.

2. Chị Hồ Mộng T, sinh năm: 1980;.

Địa chỉ: 215, ấp H, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Trần Hòa H và chị Hồ Mộng T trình bày:

Anh H, chị T cưới và chung sống với nhau một thời gian nhưng nhận thấy không hợp nhau. Từ năm 2014 do anh H không lo làm ăn, không phụ giúp công việc gia đình nên vợ chồng chị T xảy ra mâu thuẫn. Anh chị đã tìm cách tháo gỡ mâu thuẫn nhưng không đạt kết quả. Vợ chồng chị T đã ly thân từ năm 2014 đến nay, trong thời gian ly thân cả hai không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai người nấy sống, tình cảm vợ chồng không còn nên anh H, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn. Từ những căn cứ nêu trên có cơ sở xác định tình trạng của vợ chồng chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được cần chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh H chị T là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: vợ chồng chị T có 02 con chung là Trần Hòa V, sinh ngày 13/7/2004 và Trần Ánh L, sinh ngày 02/01/2008. Anh H, chị T thỏa thuận chị T được nuôi cháu V và cháu L, phù hợp với nguyện vọng của cháu V và cháu L. Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh H, chị T không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 02 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[3] Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: anh Trần Hòa H và chị Hồ Mộng T thuận tình ly hôn.

- Về nuôi con chung: anh Trần Hòa H đồng ý cho chị Hồ Mộng T được nuôi 02 (hai) con chung là Trần Hòa V, sinh ngày 13/7/2004 và Trần Ánh L, sinh ngày 02/01/2008. Chị Hồ Mộng T không yêu cầu anh Trần Hòa H cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Hòa H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: anh Trần Hòa H và chị Hồ Mộng T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Trần Hòa H và chị Hồ Mộng T không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Trần Hòa H và chị Hồ Mộng T mỗi người phải chịu lệ phí là 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số: 0001126 ngày 29/01/2019 của Chi cục Thi hành án huyện C, tỉnh Bến Tre.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- UBND phường H, quận P, TP HCM;
- Chi cục THADS huyện C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(ĐÃ KÝ)

Lê Thị Minh Trung